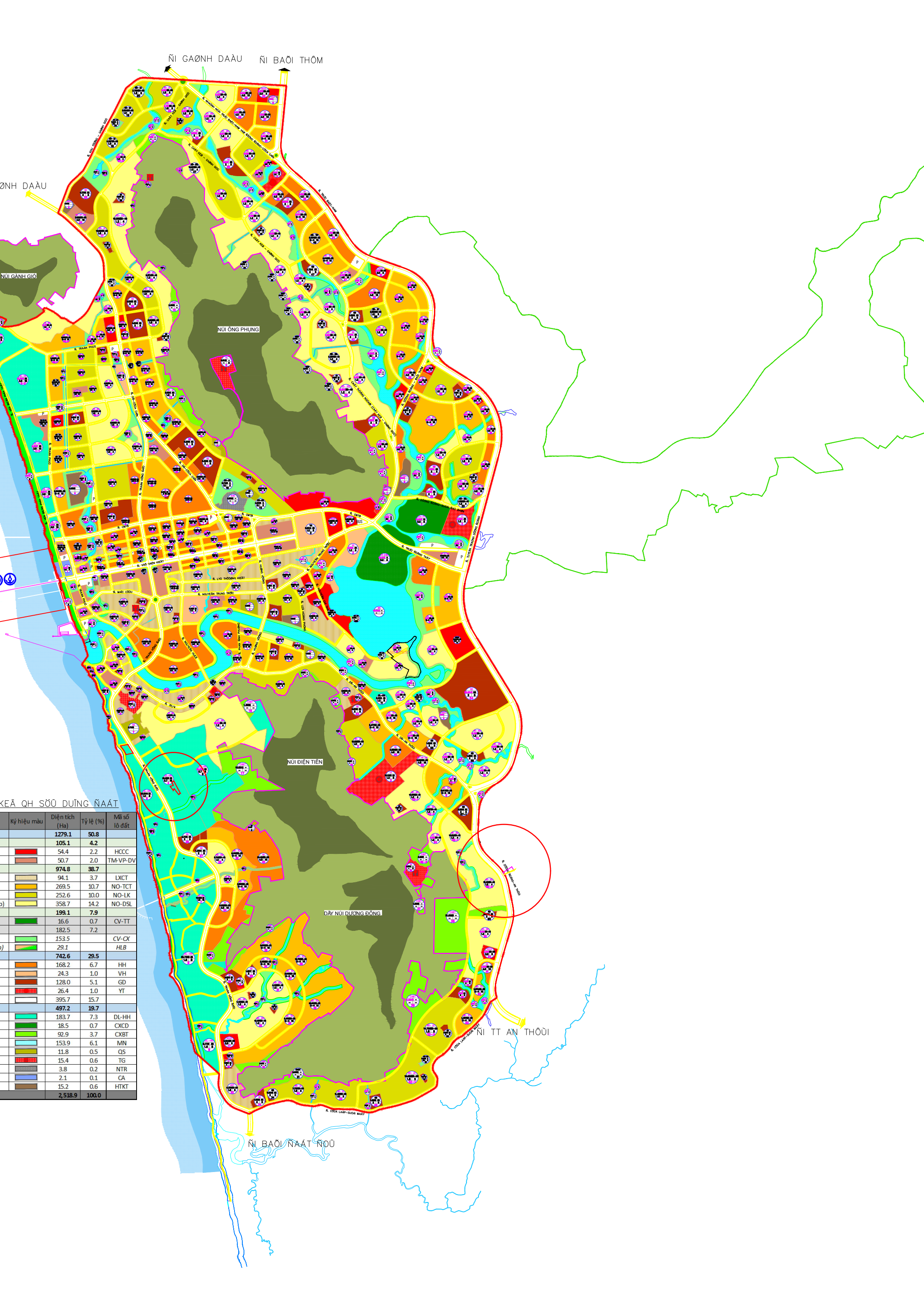




KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT			
Ký hiệu màu	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	Mã số lô đất
	1279.1	50.8	
	105.1	4.2	
	54.4	2.2	HCCC
	50.7	2.0	TM-VP-DV
	974.8	38.7	
	94.1	3.7	LXCT
	269.5	10.7	NO-TCT
	252.6	10.0	NO-LK
	358.7	14.2	NO-DSL
	199.1	7.9	
	16.6	0.7	CV-TT
	182.5	7.2	
	153.5		CV-CX
	29.1		HLB
	742.6	29.5	
	168.2	6.7	HH
	24.3	1.0	VH
	128.0	5.1	GD
	26.4	1.0	YT
	395.7	15.7	
	497.2	19.7	
	183.7	7.3	DL-HH
	18.5	0.7	CXCD
	92.9	3.7	CXBT
	153.9	6.1	MN
	11.8	0.5	QS
	15.4	0.6	TG
	3.8	0.2	NTR
	2.1	0.1	CA
	15.2	0.6	HTKT
	2,518.9	100.0	